

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-----o0o-----

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu:

Mua vật tư để bảo dưỡng các thiết bị điện và phục vụ công tác cấp nguồn điện tạm cho công việc BDSC theo Đơn hàng số 157/1100004331/ĐH-KHSX-TA6

Ban hành kèm theo

Quyết định số: _____

Bên mời thầu

Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam



MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá Hồ sơ đề xuất

Chương III. Biểu mẫu

Chương IV. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

Chương V. Mẫu Hợp đồng

Chương VI. Biểu Mẫu Hợp Đồng

Chương VII. Tiêu chí kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ HSDX điều chỉnh
đối với hình thức nộp qua hệ thống

Chương VIII. Hướng dẫn nộp hồ sơ thầu qua hệ thống



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

QCMS	Quy chế mua sắm của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (hiện nay là Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam) ban hành kèm theo Quyết định số 1304/QĐ-BSR ngày 12/4/2026.
BSR	Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam
HĐQT	Hội đồng quản trị
CDNT	Chỉ dẫn Nhà thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá
VND	Đồng Việt Nam
Ngày đóng thầu	Ngày có thời điểm đóng thầu
BMT	Bên mời thầu
TCG	Tổ chuyên gia
MSHH	Mua sắm hàng hóa
KQLCNT	Kết quả lựa chọn Nhà thầu
NSX	Nhà sản xuất
C/O	Certificate of Origin
C/Q	Certificate of Quality
B/H	Chứng nhận bảo hành

TÊN VIẾT TẮT CỦA CÁC BAN BSR:

PCRR	Ban Pháp chế và quản trị rủi ro
ATMT	Ban An toàn môi trường
ATCL	Ban An toàn chất lượng
CNTT	Ban Công nghệ thông tin và chuyển đổi số
BDSC	Ban Bảo dưỡng sửa chữa
KTCN	Ban Kỹ thuật công nghệ
KTSX	Ban Kỹ thuật sản xuất
KHSX	Ban Kế hoạch sản xuất
TMDV	Ban Thương mại dịch vụ
KTĐT	Ban Kinh tế đầu tư



Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu (Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa được mô tả tại **Chương IV**. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

- Tên gói thầu: **Mua vật tư để bảo dưỡng các thiết bị điện và phục vụ công tác cấp nguồn điện tạm cho công việc BDSC theo Đơn hàng số 157/1100004331/ĐH-KHSX-TA6.**

- Số lượng và tên các phần thuộc gói thầu: 02 Phần:

- Phần 1: Vật tư hệ thống bảo vệ chống ăn mòn điện hóa (CP) – 04 mục vật tư
- Phần 2: Vật tư và thiết bị hệ thống điện – 19 mục vật tư

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Kế hoạch bảo dưỡng tổng thể (BDTT) lần 6 Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo Quyết định số 733/QĐ-BSR ngày 11/3/2026;

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;

4. Thời gian thực hiện gói thầu: 26 tuần kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó:

- Thời gian giao hàng: 24 tuần.
- Thời gian nghiệm thu: dự kiến 02 tuần.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức.

3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ hoặc rút Hồ sơ tham dự thầu nhằm cho một bên trúng thầu;

b) Nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu nhưng khi tham dự thầu cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm của mình khi được BMT yêu cầu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4. Gian lận bao gồm:

- a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu khi tham dự thầu;
- b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSĐX, nhằm làm sai lệch KQLCNT.

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:



a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở BMT, Nhà thầu trong lựa chọn Nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn Nhà thầu;

d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn Nhà thầu;

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là Nhà thầu đối với gói thầu do mình làm BMT hoặc thực hiện nhiệm vụ của BMT;

b) Tham gia xây dựng nhưng đồng thời tham gia thẩm định HSYC đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDX nhưng đồng thời tham gia thẩm định KQLCNT đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc BMT, TCG, TTĐ KQLCNT tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn Nhà thầu đối với gói thầu mà người đứng tên dự thầu hoặc người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu lại có quan hệ gia đình với mình (là cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình của vợ hoặc chồng mình);

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Công ty tổ chức, là nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Công ty;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với cùng một gói thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn Nhà thầu trước thời điểm chính thức công bố hoặc phát hành theo quy định hoặc tiết lộ các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn Nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

8. Chuyển nhượng thầu bao gồm:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác trên 10% giá trị phải thực hiện theo Hợp đồng sau khi trừ giá trị công việc của Nhà thầu phụ, Nhà thầu phụ đặc biệt nêu trong Hợp đồng.



b) BMT chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc như quy định tại Điểm a Khoản này, trừ trường hợp có lý do chính đáng được cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả LCNT cho phép.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối với Nhà thầu trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; đối với Nhà thầu nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

b) Hạch toán tài chính độc lập;

c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo QCMS;

e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Có tên trong Danh sách ngắn (đối với trường hợp lựa chọn Danh sách ngắn);

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d và điểm g Khoản 1 Mục này.

3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d và điểm e Khoản 1 Mục này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, Nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của Nhà thầu, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó mô



tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời thầu sẽ gia hạn thời điểm đóng thầu để bảo đảm đủ 03 ngày làm việc.

Các nội dung làm rõ, sửa đổi HSYC tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên được đăng tải lên website của BSR (<http://www.bsr.com.vn>).

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Thông báo mời chào hàng được đăng tải trên website của Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam (<http://www.bsr.com.vn>). Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDX. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của Nhà thầu.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng đối với chào hàng trong nước là VND.

Đồng tiền thanh toán là VND hoặc bằng đồng tiền khác phù hợp quy định pháp luật.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Bên mời thầu và Nhà thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX phải bao gồm các thành phần sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III. Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 08 Chương III. Biểu mẫu;
3. Thỏa thuận liên danh đối với nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03. Biểu mẫu;
4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III . Biểu mẫu;
5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký Đơn chào hàng và tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu;
6. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 (bao gồm Mẫu số 05a và Mẫu số 05b) Chương III. Biểu mẫu;
7. Các nội dung khác : Các tài liệu khác như quy định tại HSYC này.

Mục 7. Giá chào và giảm giá



1. Giá chào ghi trong Đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III. Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu và nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào cho một hoặc nhiều phần của gói thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.



Mục 9. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu với thời gian có hiệu lực theo quy định của HSYC theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc nộp thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại Chương III. Biểu mẫu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu:

- Phần 1: **30.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn).
- Phần 2: **35.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng chẵn).
- Nhà thầu tham dự 02 phần: **65.000.000 VND** (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi không tuân thủ Mẫu bảo đảm dự thầu quy định ở Chương III. Biểu mẫu, thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, phát hành trước ngày phát hành HSYC hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu.

4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn không quá 14 (mười bốn) ngày, kể từ ngày KQLCNT được phê duyệt. Đối với Nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi Hợp đồng có hiệu lực, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 Mục 9 CDNT.

5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian HSYC còn hiệu lực, Nhà thầu rút HSDX hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của HSYC;

b) Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 73 của QCMS hoặc vi phạm QCMS dẫn đến phải hủy thầu;

c) Nhà thầu trúng thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 21 CDNT;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo Hợp đồng hoặc đã thương thảo Hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản đã thương thảo Hợp đồng, từ trường hợp bất khả kháng;



e) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Hợp đồng trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 10. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp, 01 USB chứa file scan HSDX như hướng dẫn tại Điểm a, Mục I - Chương VIII- HƯỚNG DẪN NỘP HỒ SƠ THẦU QUA HỆ THỐNG và file excel của biểu giá chào, đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi chính xác tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu được ủy quyền) theo quy định tại Mẫu 02- Chương III. Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Đơn chào hàng.

6. Trường hợp Nhà thầu nộp hồ sơ thầu qua hệ thống. Quy định chi tiết tại Chương VII- Tiêu chí kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ HSDX điều chỉnh đối với hình thức nộp qua hệ thống.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời thầu hoặc nộp qua hệ thống đấu thầu của BSR nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là **10 giờ 00 phút ngày ____ tháng ____ năm 2026**.

Nhà thầu có thể lựa chọn một trong hai hình thức nộp HSDX như sau:

a. Nộp trực tiếp:



Nhà thầu phải nộp HSDX trong phong bì kín, ngoài ghi rõ:

Nếu nộp trực tiếp, Nhà thầu phải nộp HSDX trong phong bì kín, ngoài ghi rõ:

Hồ sơ đề xuất gói thầu: “**Mua vật tư để bảo dưỡng các thiết bị điện và phục vụ công tác cấp nguồn điện tạm cho công việc BDSC theo Đơn hàng số 157/1100004331/ĐH-KHSX-TA6**”;

Nơi gửi: [Ghi tên, địa chỉ NHÀ THẦU]

Nơi nhận: Tổ Văn thư - Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam.

Địa chỉ: Số 208 Đại lộ Hùng Vương, P. Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255 – 3825825 Fax: 0255 - 3825826

KHÔNG ĐƯỢC MỞ TRƯỚC: 10 giờ 00 phút, ngày

năm 2026.

b. Nộp qua hệ thống BSR: Theo hướng dẫn như tại Chương VIII của HSYC này.

Ghi chú: Trường hợp nhà thầu nộp hồ sơ thầu qua hệ thống, tiêu chí đánh giá tư cách hợp lệ của Nhà thầu và HSDX được điều chỉnh như quy định tại Chương VII của HSYC này.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm đóng thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc **___giờ 00 30 phút ngày __ tháng __ năm 2026** tại Phòng mở thầu của BSR trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá



(nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện gói thầu, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin cần thiết khác. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải đọc giá chào và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu, được ghi vào biên bản mở thầu mới được sử dụng trong quá trình đánh giá HSDX;

c) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự trực tiếp lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của Nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp trong HSDX của Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của Nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp hoặc theo đường bưu điện, bằng fax hoặc e-mail.

2. Việc làm rõ HSDX giữa Nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.

3. Trường hợp sau khi đóng thầu, Nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì được phép tự gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà thầu để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu được coi như một phần của HSDX. Bên mời thầu sẽ thông báo cho Nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của Nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp hoặc theo đường bưu điện, bằng fax hoặc e-mail.

4. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và Nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng yêu cầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDX của Nhà thầu theo HSDX đã nộp trước thời điểm đóng



thầu.

Mục 14. Nhà thầu phụ (không áp dụng)

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai danh sách nhà thầu phụ theo Mẫu số 07a Chương III. Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Bên mời thầu chấp thuận.

2. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá: ____ [*Ghi tỷ lệ phần trăm nếu thấy cần thiết. Nếu không yêu cầu thì ghi “không áp dụng”*] giá chào của nhà thầu.

3. Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu chính sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt. Trong trường hợp này, nhà thầu chính phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 07b Chương III. Biểu mẫu và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSYC và nhà thầu chính có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì HSDX của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSYC.

Mục 15. Ưu tiên trong lựa chọn nhà thầu

Thực hiện theo khoản 2 Điều 16 QCMS.

Mục 16. Đánh giá HSDX

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

2. Trong quá trình đánh giá HSDX, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ quy định tại Mục 1 Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;



3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

4. Có giá trị sai lệch thiếu không vượt 10% giá chào;

5. Có HSDX được xếp hạng thứ nhất theo quy định tại Mục 4 Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

6. Có giá đề nghị trúng thầu (giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá, nếu có) không vượt giá gói thầu được phê duyệt

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên cổng đấu thầu của Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam (BSR).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn còn đủ năng lực để thực hiện gói thầu thì hợp đồng mới được ký kết. Nếu kết quả xác minh cho thấy nhà thầu không còn đủ năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Bên mời thầu sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và xem xét, quyết định nhà thầu xếp hạng tiếp theo được trúng thầu.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Trước thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ kèm theo nêu tại Chương IV. Yêu cầu về phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá 10% và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSDX.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi ký kết Hợp đồng hoặc trước thời điểm Hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều khoản về Bảo đảm thực hiện Hợp đồng tại Chương V. Mẫu Hợp đồng của HSYC này. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 12 Chương VI. Biểu Mẫu Hợp đồng.



Trong trường hợp cần rút ngắn thời gian mua sắm để đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Hợp đồng có thể được ký kết ngay sau khi phê duyệt kết quả LCNT, Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng sau khi ký Hợp đồng.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, Nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu (khi chưa có kết quả lựa chọn Nhà thầu), kiến nghị về kết quả lựa chọn Nhà thầu đến Bên mời thầu, Người có thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo địa chỉ nêu ở khoản 2 Mục này.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ của Bên mời thầu:

Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam
Số 208 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại: 0255.3825825/ Fax: 0255.3825826

b) Địa chỉ của Người có thẩm quyền:

Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam
Số 208 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại: 0255.3825825/ Fax: 0255.3825826.

Mục 23. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với QCMS, Nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo địa chỉ sau:

Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam
208 Đại lộ Hùng Vương, Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại: 0255.3825825/Fax: 0255.3825826.



Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

Nhà thầu được kết luận là **Đáp ứng** khi tất cả nội dung được đánh giá là “**Đáp ứng**”, nhà thầu được kết luận là **Không đáp ứng** khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “**Không đáp ứng**”.

Cụ thể như sau:

Stt	Nội dung đánh giá	Đáp ứng	Không đáp ứng	Ghi chú
1	Có bản gốc HSDX hoặc HSDX nộp qua Hệ thống mạng đấu thầu của BSR.			
2	Có bản gốc Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có); thời gian ký Đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho BMT. Đối với Nhà thầu liên danh, Đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký Đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong Thỏa thuận liên danh.			
3	Thời gian có Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSYC.			
4	Có bản gốc bảo đảm dự thầu hợp lệ (về giá trị, thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng, người ký là đại diện hợp pháp của Tổ chức tín dụng trong nước hoặc Chi nhánh của Ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam).			
5	Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh.			
6	Có bản gốc Thỏa thuận liên danh hợp lệ. Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong Bảng giá dự thầu.			
7	Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3, Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu.			



Stt	Nội dung đánh giá	Đáp ứng	Không đáp ứng	Ghi chú
8	Trong thời gian 03 năm trước thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với Nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho Nhà thầu đó trúng thầu. (Nhà thầu có văn bản/tài liệu cam kết đính kèm HSDX)			
	Kết luận			

*Đối với nhà thầu nộp HSDX qua hệ thống đấu thầu của BSR, Tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của HSDX quy định như tại CHƯƠNG VII – TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ HSDX ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NỘP QUA HỆ THỐNG

HSDX của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ sẽ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

Các TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp một trong những nội dung dưới đây được đánh giá “Không đạt”/”Không đáp ứng” thì các nội dung còn lại sẽ không được xem xét.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Tài liệu kèm theo để chứng minh (như phần ghi chú bên dưới)
2	Năng lực tài chính					
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 9 và đính kèm tài liệu chứng minh như hướng dẫn tại Biểu mẫu này
2.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu như sau: - Đối với nhà thầu tham gia Phần 1: Tối thiểu 2,2 tỷ VND; - Đối với nhà thầu tham gia Phần 2: Tối thiểu 2,6 tỷ VND; - Đối với nhà thầu tham gia 02 phần: Tối thiểu 4,8 tỷ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 9 và đính kèm tài liệu chứng minh như hướng dẫn tại Biểu mẫu này



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá dịch vụ tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp vật tư, phụ tùng thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp. - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu cụ thể: • Đối với nhà thầu tham gia Phần 1: Tối thiểu 800 triệu VND; • Đối với nhà thầu tham gia Phần 2: Tối thiểu 950 triệu VND • Đối với nhà thầu tham gia 2 phần : Tối thiểu 950 triệu VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 10 và đính kèm tài liệu chứng minh (Hợp đồng, Văn bản xác nhận hoàn thành/Biên bản nghiệm thu/thanh lý, hóa đơn...).
4	Tài liệu chứng minh nguồn gốc hàng hóa	NHÀ THẦU cung cấp ít nhất một trong các văn bản/tài liệu sau đây để chứng minh: - Giấy phép hoặc thư ủy quyền bán hàng được cấp bởi nhà sản xuất hoặc đại diện của	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công	Có tài liệu kèm theo để chứng minh



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		nhà sản xuất hoặc nhà phân phối/đại lý chính thức của nhà sản xuất; hoặc - Chào giá của nhà sản xuất hoặc đại diện của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối/đại lý chính thức của nhà sản xuất chào giá chính thức và trực tiếp cho NHÀ THẦU. <i>Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất thì không áp dụng tiêu chí này.</i>			việc đảm nhận)

Ghi chú:

Năm tài chính gần nhất được xác định phụ thuộc vào ngày phát hành HSYC. Trường hợp phát hành HSYC sau ngày 31/3 thì năm tài chính gần nhất là năm liền kề với năm có ngày đóng thầu. Trường hợp phát hành HSYC rơi vào ngày 31/3 và trước đó thì năm tài chính gần nhất không bao gồm năm liền kề với năm có ngày đóng thầu mà là năm trước năm liền kề với năm có ngày đóng thầu.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, Nhà thầu không phải nộp báo cáo tài chính nhưng phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu trong thời gian yêu cầu của HSYC.

Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu (nếu cần thiết). Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- ✓ Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc



- ✓ Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc
- ✓ Xác nhận của cơ quan thuế về việc không còn nợ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi theo tỷ giá bán của Vietcombank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không áp dụng.



Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng căn cứ Điều 32 QCMS và căn cứ các yêu cầu nêu ở Chương IV. Yêu cầu về phạm vi cung cấp. Theo đó, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần cụ thể hóa các yêu cầu đối với gói thầu về kỹ thuật, công nghệ, môi trường, bảo hành bảo trì, tiêu chuẩn chất lượng... dựa trên đặc thù của gói thầu.

3.1. Tiêu chuẩn đánh giá theo phương pháp chấm điểm: Không áp dụng.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Các HSDX vượt qua bước đánh giá về năng lực và kinh nghiệm sẽ được tiếp tục đánh giá ở bước đánh giá kỹ thuật theo tiêu chí đạt/không đạt.

Cụ thể như sau:

Các TCDG về kỹ thuật của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Trong trường hợp 01 tiêu chí được đánh giá Không Đạt thì các tiêu chí khác sẽ không được xem xét.

Các HSDX được đánh giá là Đạt tất cả các tiêu chí nêu bên dưới thì sẽ được đánh giá là ĐẠT về yêu cầu kỹ thuật:

TT	Nội dung đánh giá	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí đánh giá	
			ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
I	Phạm vi cung cấp	Chào đúng, đủ danh mục theo từng phần tham dự hoặc cho toàn bộ gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV – Phạm vi cung cấp.	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
II	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Theo đúng yêu cầu gói thầu tại Chương IV – Phạm vi cung cấp. - Danh mục hàng hóa chào thầu phải nêu: tên Nhà sản xuất, nước xuất xứ, thông tin kỹ thuật, mã ký hiệu (model, serial hoặc Part number (P/N)) và đính kèm tài liệu kỹ thuật (Data sheet/manual...) để Bên mời thầu xem xét đánh giá. - NHÀ THẦU được phép đề xuất hàng hóa tương đương (áp dụng cho toàn bộ gói thầu theo yêu cầu tại Chương IV – Phạm vi cung cấp). NHÀ THẦU phải đính kèm hồ sơ/tài liệu kỹ thuật (bao gồm bảng so sánh) chứng minh vật tư của nhà thầu chào tương thích với hệ thống hiện hữu của BSR, có cấu tạo/tính năng/đặc tính kỹ thuật bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu để Bên mời thầu xem xét, đánh giá. Đồng thời đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 3.3 dưới đây.	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu

TT	Nội dung đánh giá	Nội dung yêu cầu	Tiêu chí đánh giá	
			ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
III	Các yêu cầu khác			
1	Loại Hợp đồng	Hợp đồng Trọn gói. (Nhà thầu có thể hiện thông tin này trong HSDX)	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
2	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện gói thầu: 26 tuần kể từ ngày ký hợp đồng - Thời gian giao hàng: Tối đa 24 tuần kể từ ngày ký hợp đồng; - Thời gian dự kiến nghiệm thu: 02 tuần.	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
3	Thời gian bảo hành	Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu vật tư.	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
4	Địa điểm giao hàng	Kho Vật tư, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
5	Các chứng từ khi giao hàng	NHÀ THẦU xác nhận bằng văn bản cung cấp đầy đủ các chứng từ khi giao hàng, cụ thể: - Chứng chỉ xuất xứ của hàng hóa (C/O) do Nhà sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất/xuất khẩu cấp (bản gốc/sao y); - Chứng chỉ chất lượng của hàng hóa (C/Q) hoặc chứng chỉ có giá trị tương đương do nhà sản xuất cấp (bản gốc/sao y); - Thư bảo hành do Nhà thầu cấp (bản gốc).	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu
6	Tình trạng, chất lượng hàng hóa.	NHÀ THẦU khẳng định/ xác nhận (Nhà thầu có văn bản/tài liệu đính kèm HSDX): - Hàng hóa được cung cấp là mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo của Nhà sản xuất.	Đáp ứng đúng yêu cầu	Không đáp ứng đúng yêu cầu

Ghi chú: Nhà thầu phải thể hiện đầy đủ các thông tin, tiêu chí nêu trên trong HSDX; hoặc Nhà thầu phải có văn bản/tài liệu/cam kết kèm theo HSDX để chứng minh đáp ứng tất cả các tiêu chí nêu trên. Đối với các nội dung liên quan đến đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật, hồ sơ chứng minh đáp ứng theo yêu cầu.



3.3 Bảng tiêu chí đánh giá hàng hóa tương đương:

TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Hàng hóa tương đương cần đáp ứng tối thiểu các thông số kỹ thuật sau:		ĐVT
			Đặc tính kỹ thuật hàng hóa đang sử dụng	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa tương đương	
I	Phần 1: Vật tư hệ thống bảo vệ chống ăn mòn điện hóa (CP) – 04 mục vật tư				
1	4396113263	INSULATOR, STD-ESP-I-100, KNM-PRO	PLANT EQUIPMENT PARTS ; PART NAME : INSULATOR ; MATERIAL : TEFLON + STAINLESS STEEL 316 ; PART NUMBER : STD-ESP-I-100 ; DRAWING NUMBER : 8474L-011-A4207-0814-001-003 ; MANUFACTURER : KNM PROCESS SYSTEMS ; EQUIPMENT : DESALTER PACKAGE ; AMEC-S PART NUMBER : 6258773.2 ; SUPPLIER : PROSERNAT	PLANT EQUIPMENT PARTS ; PART NAME : INSULATOR ; MATERIAL : TEFLON + STAINLESS STEEL 316 ; PART NUMBER : ... ; DRAWING NUMBER : 8474L-011-A4207-0814-001-003 ; MANUFACTURER : ... ; EQUIPMENT : DESALTER PACKAGE ; AMEC-S PART NUMBER : ; SUPPLIER : ...	PC
2	6530650083	SACRIFICIAL ANODE, SACRIFICIAL, ALUMINIUM, 200(W)X40(H)X300(L), ANODE SIZE IN MM: 200(W) X40(H)X300 (L)MM	CATHODIC PROTECTION ACCESSORIES ; ITEM DESCRIPTION : SACRIFICIAL ANODE ; TYPE : SACRIFICIAL ; MATERIAL : ALUMINIUM ; CAPACITY : 200(W)X40(H)X300(L) ; SIZE : ANODE SIZE IN MM : 200(W)X40(H)X300(L) MILLIMETER ; CONSTRUCTION : COOLING SEA WATER EQUIPMENT ; ADDITIONAL INFORMATION : DRAWING OF ANODE ATTACHMENT ;	CATHODIC PROTECTION ACCESSORIES ; ITEM DESCRIPTION : SACRIFICIAL ANODE ; TYPE : SACRIFICIAL ; MATERIAL : ALUMINIUM ; CAPACITY : 200(W)X40(H)X300(L) ; SIZE : ANODE SIZE IN MM : 200(W)X40(H)X300(L) MILLIMETER ; CONSTRUCTION : COOLING SEA WATER EQUIPMENT ; ADDITIONAL INFORMATION : DRAWING OF ANODE ATTACHMENT	EA
3	6530650099	ALUMINUM ALLOY ANODES T570 EF-1000, 57, 9KG, L:1000MM ; H:140 MM; W1:130MM; W2: 160MM	CATHODIC PROTECTION ACCESSORIES ; ITEM DESCRIPTION : ALUMINUM ALLOY ANODES T570 EF-1000 ; TYPE : SACRIFICIAL ANODE ; MATERIAL : ALUMINUM ; CAPACITY : 57, 9 KILOGRAM ; SIZE : L : 1000MM ; H : 140 MM; W1 : 130MM; W2 : 160MM ; ADDITIONAL INFO : LENGTH : 1000MM ; HEIGHT : 140 MM; WIDTH 1 : 130MM; WIDTH 2 : 160MM; DETAIL ANODE AND SUPPORT AS DRAWING : 8474L-034-A4202-1790-001-014; PRODUCTION MUST BE APPLICATION TO FOLLOW ISO-15589-2; DNV RP B401 STANDARDS. ;	CATHODIC PROTECTION ACCESSORIES ; ITEM DESCRIPTION : ALUMINUM ALLOY ANODES T570 EF-1000 ; TYPE : SACRIFICIAL ANODE ; MATERIAL : ALUMINUM ; CAPACITY : 57, 9 KILOGRAM ; SIZE : L : 1000MM ; H : 140 MM; W1 : 130MM; W2 : 160MM ; ADDITIONAL INFO : LENGTH : 1000MM ; HEIGHT : 140 MM; WIDTH 1 : 130MM; WIDTH 2 : 160MM; DETAIL ANODE AND SUPPORT AS DRAWING : 8474L-034-A4202-1790-001-014; PRODUCTION MUST BE APPLICATION TO FOLLOW ISO-15589-2; DNV RP B401 STANDARDS. ;	EA
4	5305990243	SPM ANODE FOR U/W BUOY OF HULL & PLEM, DW: DSM05024/ DSM06002	SPM PART & ACCESSORY ; PART/ACCESSORY NAME : SPM ANODE FOR U/W BUOY OF HULL & PLEM ; DRAWING NUMBER : DSM05024/DSM06002 ; ANODE FOR SPM BUOY SUBSEA PROTECTION, CONSISTS OF ITEMS 4, 5, 6 IN DRW NO. DSM05024, ITEM 1 IN DRW NO. DSM06002 ;	SPM PART & ACCESSORY ; PART/ACCESSORY NAME : SPM ANODE FOR U/W BUOY OF HULL & PLEM ; DRAWING NUMBER : DSM05024/DSM06002 ; ANODE FOR SPM BUOY SUBSEA PROTECTION, CONSISTS OF ITEMS 4, 5, 6 IN DRW NO. DSM05024, ITEM 1 IN DRW NO. DSM06002 ;	SET



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Hàng hóa tương đương cần đáp ứng tối thiểu các thông số kỹ thuật sau:		ĐVT
			Đặc tính kĩ thuật hàng hóa đang sử dụng	Đặc tính kĩ thuật hàng hóa tương đương	
II	Phần 2: Vật tư và thiết bị hệ thống điện – 19 mục vật tư				
1	6813150139	CABLE, NON ARMD, 0.6-1KV, PVC, 04, 16MM2	NON ARMoured ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 16 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; NUMBER, CORES : 04 ; CROSS SECTION, CORES : 16 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 16 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	NON ARMoured ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 16 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; NUMBER, CORES : 04 ; CROSS SECTION, CORES : 16 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 16 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	M
2	6813150159	CABLE, NON ARMD, 0.6-1KV, PVC, 03, 2.5MM2	NON ARMoured ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 3 X 2.5 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; COLOUR, OUTER SHEATH : BLACK ; NUMBER, CORES : 03 ; CROSS SECTION, CORES : 2.5 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 3 X 2.5 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	NON ARMoured ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 3 X 2.5 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; COLOUR, OUTER SHEATH : BLACK ; NUMBER, CORES : 03 ; CROSS SECTION, CORES : 2.5 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 3 X 2.5 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	M



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Hàng hóa tương đương cần đáp ứng tối thiểu các thông số kỹ thuật sau:		ĐVT
			Đặc tính kỹ thuật hàng hóa đang sử dụng	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa tương đương	
3	6813150179	CABLE, NON ARMD, 0.6-1KV, PVC, 04, 6MM2	NON ARMoured ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 6 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; COLOUR, OUTER SHEATH : BLACK ; NUMBER, CORES : 04 ; CROSS SECTION, CORES : 6 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 4X 6 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	NON ARMoured ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 6 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; COLOUR, OUTER SHEATH : BLACK ; NUMBER, CORES : 04 ; CROSS SECTION, CORES : 6 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 4X 6 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	M
4	6878840529	CABLE GLAND, 20S, 20SE2FU1RA, CMPP	ELECTRICAL CABLE JOINTING / TERMINATION COMPONENTS ; PART NAME : CABLE GLAND ; DIMENSION : 20S ; PART NUMBER : 20SE2FU1RA ; MANUFACTURER : CMP PRODUCTS ; INCLUDES : EARTH TAG; LOCKNUT, SERRATED WASHER, ENTRY THREAD SEAL, SHROUD ; EXD IIC ;	ELECTRICAL CABLE JOINTING / TERMINATION COMPONENTS ; PART NAME : CABLE GLAND ; DIMENSION : 20S ; INCLUDES : EARTH TAG; LOCKNUT, SERRATED WASHER, ENTRY THREAD SEAL, SHROUD ; EXD IIC ;	SET
5	6779040039	PLG ELEC PWR IND, STAHL, 8570/12-306, 200TO250VOLT, 3P, 16AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION PLUGS ; MANUFACTURER : STAHL ; MODEL NUMBER : 8570/12-306 ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; VOLTAGE, RATED : 200 TO 250 VOLT ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; POSITION, EARTH CONTACT : - ; CABLE ENTRY : - ;	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION PLUGS ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; VOLTAGE, RATED : 200 TO 250 VOLT ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; POSITION, EARTH CONTACT : - ; CABLE ENTRY : - ;	EA



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Hàng hóa tương đương cần đáp ứng tối thiểu các thông số kỹ thuật sau:		ĐVT
			Đặc tính kỹ thuật hàng hóa đang sử dụng	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa tương đương	
6	6738070029	SCKT ELEC PWR DOM, R-STAH, 8579/11-406, 380/415VOLT, 4P, 63AMP.	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION SOCKETS ; MANUFACTURER : R-STAH ; TYPE : 8579/11-406 ; VOLTAGE, RATED : 380/415 VOLT ; POLES : 4P ; CURRENT, RATED : 63 AMP ; EXPLOSION PROTECTION : EEX DE IIC T6; TEST CERTIFICATE : PTB NR.EX-84/1004 ; ENCLOSURE MATERIAL : POLYESTER ; DEGREE OF PROTECTION : IP66 ;	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION SOCKETS ; MANUFACTURER : ... ; TYPE : ... ; VOLTAGE, RATED : 380/415 VOLT ; POLES : 4P ; CURRENT, RATED : 63 AMP ; EXPLOSION PROTECTION : EEX DE IIC T6; TEST CERTIFICATE : PTB NR.EX-84/1004 ; ENCLOSURE MATERIAL : POLYESTER ; DEGREE OF PROTECTION : IP66 ;	PC
7	7087750029	PLUGS, POWER DIST, DOM, 8579 SERIES, 380/415VOLT, 4P, 63AMP.	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL PLUGS ; TYPE : 8579 SERIES ; VOLTAGE, RATED : 380/415 VOLT ; POLES : 4 ; CURRENT, RATED : 63 AMP ; MAKE : R-STAH ; MODEL : 8579/12-406 ;	OMESTIC POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL PLUGS ; TYPE : ... SERIES ; VOLTAGE, RATED : 380/415 VOLT ; POLES : 4 ; CURRENT, RATED : 63 AMP ; MAKE : ... ; MODEL : ... ;	PC
8	6779040069	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, 230VAC, 3P, 16AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; VOLTAGE, RATED : 230 VAC ; POLES : 3 ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; 3 SOCKET OUTLET 16A: AVAILABLE FOR PLUG 8570/12-306 ; POLES :3 ; CURRENT, RATED :16 AMP ; ELCB: 16A - 30MA ; MAKE : R-STAH ; MODEL:8146/5S73 ; CLASS I, ZONES 1 & 2 EX DE IIC T4 ; CLASS I, DIVISION 2, GROUPS A, B, C, D ; IP:67 ; FLASH WINDOW TO RESET ELCB ; 2 HOLES FOR CABLE GLAND M20; 1 HOLE FOR CABLE GLAND M25 ;	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; VOLTAGE, RATED : 230 VAC ; POLES : 3 ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; 3 SOCKET OUTLET 16A; POLES :3 ; CURRENT, RATED :16 AMP ; ELCB: 16A -30MA ; MAKE : ... ; MODEL: ... ; CLASS I, ZONES 1 & 2 EX DE IIC T4 ; CLASS I, DIVISION 2, GROUPS A, B, C, D ; IP:67 ; FLASH WINDOW TO RESET ELCB ; 2 HOLES FOR CABLE GLAND M20; 1 HOLE FOR CABLE GLAND M25 ;	PC
9	6779040219	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, 220VAC, 3P(2P+E)	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; DESIGN SPEC : IEC 60309 ; INGRESS PROTECTION : IP67 ; VOLTAGE, RATED : 220VAC-50HZ ; POLES : 3P (2P+E) ; MAT ENCLOSURE : PLASTIC INSULATION-COPPER ALLOY CONTACT ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; POSITION, KEY/KEYWAY : 6H (CLOCK POSITION) ; ADDITIONAL INFO: INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ADAPTER; 1 PLUG TO 3 SOCKET OUTLETS; 2P+E; 230VAC; 16A; 50HZ; BLUE CLOCK POSITION 6H; IP67; ACCORDING TO IEC60309 ;	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; DESIGN SPEC : IEC 60309 ; INGRESS PROTECTION : IP67 ; VOLTAGE, RATED : 220VAC-50HZ ; POLES : 3P (2P+E) ; MAT ENCLOSURE : PLASTIC INSULATION-COPPER ALLOY CONTACT ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; POSITION, KEY/KEYWAY : 6H (CLOCK POSITION) ; ADDITIONAL INFO: INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ADAPTER; 1 PLUG TO 3 SOCKET OUTLETS; 2P+E; 230VAC; 16A; 50HZ; BLUE CLOCK POSITION 6H; IP67; ACCORDING TO IEC60309 ;	PC
10	9384090209	FIXED LOOP LANYARD	WAREHOUSE CONSUMABLES ; TYPE : FIXED LOOP LANYARD ; MATERIAL : POLYESTER ; SAFETY POLYESTER TOOL LANYARD (MAXIMUM SUPPORTED WEIGHT 3KG) ;	WAREHOUSE CONSUMABLES ; TYPE : FIXED LOOP LANYARD ; MATERIAL : POLYESTER ; SAFETY POLYESTER TOOL LANYARD (MAXIMUM SUPPORTED WEIGHT 3KG) ;	PC



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Hàng hóa tương đương cần đáp ứng tối thiểu các thông số kỹ thuật sau:		ĐVT
			Đặc tính kỹ thuật hàng hóa đang sử dụng	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa tương đương	
11	6925010019	LUMINAIRE, PORTABLE, BATTERY, 40W RECHARGEABLE LED LIGHT, LI-THIUM, LED INITIAL FLUX LED 2900LM, 5.0 HRS	BATTERY OPERATED PORTABLE LUMINAIRES ; TYPE : 40W RECHARGEABLE LED LIGHT ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : ZONE 1, IIC T4 ; INGRESS PROTECTION : IP65 ; TYPE, BATTERY : LI-THIUM ; NUMBER, BATTERY : 11000MAH/7.2+ 0.8V ; LAMPS : LED INITIAL FLUX LED 2900LM ; DURATION, BATTERY OPERATION : 5.0 HRS ; MAT, BODY : ALUMINIUM ; DIMENSIONS, OVERALL : 291X247X150 MILLIMETER ; MASS : 7 KILOGRAM ; CHARGING UNIT : INPUT : 85-240VAC; OUTPUT : 8.4VDC, 1.5A ; MANUFACTURERS CERTIFICATE : CO : G7 ;	BATTERY OPERATED PORTABLE LUMINAIRES ; TYPE : 40W RECHARGEABLE LED LIGHT ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : ZONE 1, IIC T4 ; INGRESS PROTECTION : IP65 ; TYPE, BATTERY : LI-THIUM ; NUMBER, BATTERY : 11000MAH/7.2+ 0.8V ; LAMPS : LED INITIAL FLUX LED 2900LM ; DURATION, BATTERY OPERATION : 5.0 HRS ; MAT, BODY : ALUMINIUM ; DIMENSIONS, OVERALL : 291X247X150 MILLIMETER ; MASS : 7 KILOGRAM ; CHARGING UNIT : INPUT : 85-240VAC; OUTPUT : 8.4VDC, 1.5A ;	EA
12	1003292	Bóng đèn pha 50W Led IP65, REFERENCE Model: DCP 06L/50W		Bóng đèn pha 50W Led IP65, REFERENCE Model: DCP 06L/50W	CÁI
13	6930030489	LAMP, LED, 100-150 W, 18-24VDC	LED LAMP ; TYPE : LED ; POWER : 100-150 W ; VOLTAGE, INPUT : 18-24 VDC ; COLOUR : 6000/6500K - COOL WHITE/DAYLIGHT ; ADDITIONAL INFO: BEAM ANGLE 120DEG ;	LED LAMP ; TYPE : LED ; POWER : 100-150 W ; VOLTAGE, INPUT : 18-24 VDC ; COLOUR : 6000/6500K - COOL WHITE/DAYLIGHT ; ADDITIONAL INFO: BEAM ANGLE 120DEG ;	SET
14	7087740019	PLUGS, POWER DIST, DOM, STAHL SOCKET PLUG 8575/12-110, 50VDC, 2POLES, 16A	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL PLUGS ; TYPE : STAHL SOCKET PLUG 8575/12-110 ; VOLTAGE, RATED : 50 VDC ; POLES : 2POLES ; DIMENSIONS : D : 42MM; H : 140MM ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; ADDITIONAL INFO : SOCKET PLUG 8575/12-110; 16A, 2P ; - P54 ACC. TO IEC/EN 60529 ; - CABLE ENTRIES : 8 ... 15 MM CABLE DIAMETER ; - EXPLOSION PROTECTION : PTB 01 ATEX 1044 ; II 2 G EX DE IIC T6 (TA = -30 ... +45°C) ;	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL PLUGS ; TYPE : STAHL SOCKET PLUG 8575/12-110 ; VOLTAGE, RATED : 50 VDC ; POLES : 2POLES ; DIMENSIONS : D : 42MM; H : 140MM ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; ADDITIONAL INFO : SOCKET PLUG 8575/12-110; 16A, 2P ; - P54 ACC. TO IEC/EN 60529 ; - CABLE ENTRIES : 8 ... 15 MM CABLE DIAMETER ; - EXPLOSION PROTECTION : PTB 01 ATEX 1044 ; II 2 G EX DE IIC T6 (TA = -30 ... +45°C) ;	UNIT
15	6779040013	PLG ELEC PWR IND, MENNEKES, P/N: 278, IP67, 230V, 3P, 16A, 6H	MANUFACTURER : MENNEKES ; MODEL NUMBER : P/N : 278 ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; INGRESS PROTECTION : IP67 ; VOLTAGE, RATED : 230V ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P ; CURRENT, RATED : 16A ; POSITION, EARTH CONTACT : 6H ; CABLE ENTRY : - ;	MANUFACTURER : ... ; MODEL NUMBER : ... ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; INGRESS PROTECTION : IP67 ; VOLTAGE, RATED : 230V ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P ; CURRENT, RATED : 16A ; POSITION, EARTH CONTACT : 6H ; CABLE ENTRY : - ;	EA



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Hàng hóa tương đương cần đáp ứng tối thiểu các thông số kỹ thuật sau:		ĐVT
			Đặc tính kỹ thuật hàng hóa đang sử dụng	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa tương đương	
16	6779010109	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, 100V TO 240V, 1P, 16AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; MOUNTING : PANEL MOUNTED STRAIGHT ; DESIGN SPEC : BASIC RACK POWER DISTRIBUTION UNIT ; VOLTAGE, RATED : 100V TO 240V ; POLES : 1 ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; 10 C13 + 2C19 ;	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; MOUNTING : PANEL MOUNTED STRAIGHT ; DESIGN SPEC : BASIC RACK POWER DISTRIBUTION UNIT ; VOLTAGE, RATED : 100V TO 240V ; POLES : 1 ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; 10 C13 + 2C19 ;	EA
17	6779040059	PLG ELEC PWR IND, SEZ, IVN 3243, 400VOLT, 3P+E, 32AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION PLUGS ; MANUFACTURER : SEZ ; MODEL NUMBER : IVN 3243 ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; INGRESS PROTECTION : IP 44 ; VOLTAGE, RATED : 400 VOLT ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P + E ; CURRENT, RATED : 32 AMP ; POSITION, EARTH CONTACT : - ; CABLE ENTRY : - ; HOUR ANGLE OF SOCKET : 6 HOURS ; COLOR : RED	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION PLUGS ; MANUFACTURER : ... ; MODEL NUMBER : ... ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; INGRESS PROTECTION : IP 44 ; VOLTAGE, RATED : 400 VOLT ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P + E ; CURRENT, RATED : 32 AMP ; POSITION, EARTH CONTACT : - ; CABLE ENTRY : - ; HOUR ANGLE OF SOCKET : 6 HOURS ; COLOR : RED	EA
18	6779040133	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, PANEL MOUNTED STRAIGHT, IP44, 380-415VAC, 3P+E=, 32AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; MOUNTING : PANEL MOUNTED STRAIGHT ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : IP44 ; VOLTAGE, RATED : 380-415 VAC ; POLES : 3P+E ; CURRENT, RATED : 32 AMP ; 6 HOLES, CODE J324-6, COLOR : RED OF VANLOCK ELECTRICAL EQUIPMENT ;	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; MOUNTING : PANEL MOUNTED STRAIGHT ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : IP44 ; VOLTAGE, RATED : 380-415 VAC ; POLES : 3P+E ; CURRENT, RATED : 32 AMP ; 6 HOLES, CODE J324-6, COLOR : RED OF VANLOCK ELECTRICAL EQUIPMENT ;	SET
19	6794680363	CIRCUIT BREAKER, TMAX, T2H160, 3, 100AMP, 690VAC, 70KA, MA 80	CIRCUIT BREAKERS ; TYPE, CIRCUITBREAKER : TMAX, T2H160 ; MANUFACTURER : ABB ; MANUFACTURER PART NUMBER : 1SDA051227R1 ; POLE, QUANTITY : 3 ; CURRENT RATING : 100 AMP ; VOLTAGE RATING : 690 VAC ; STANDARD : IEC 60947-2 ; CAPACITY, INTERRUPT : 70 KA ; AMPERAGE, TRIP : MA 80 ;	CIRCUIT BREAKERS ; TYPE, CIRCUITBREAKER : ... ; MANUFACTURER : ... ; MANUFACTURER PART NUMBER : ... ; POLE, QUANTITY : 3 ; CURRENT RATING : 100 AMP ; VOLTAGE RATING : 690 VAC ; STANDARD : IEC 60947-2 ; CAPACITY, INTERRUPT : 70 KA ; AMPERAGE, TRIP : MA 80 ;	EA



Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá (để xếp hạng Nhà thầu)

Tiêu chuẩn đánh giá về giá để xếp hạng Nhà thầu là Phương pháp giá thấp nhất theo quy định tại Điều 32 QCMS. Cách xác định giá thấp nhất được thực hiện theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

Việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện cho các HSDX đã vượt qua đánh giá về kỹ thuật, bao gồm:

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDX bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” Nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và không được Bên mời thầu thanh toán trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng, trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục này;

- Lỗi ghi đơn vị khác với trong HSYC: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;



- Lỗi sử dụng nhầm dấu: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

- Nếu có sự khác biệt giữa giá dự thầu ghi bằng số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi, trừ trường hợp chữ viết không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác theo quy định tại điểm a và điểm b Mục này.

2. Hiệu chỉnh các sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp (bao gồm thiếu/thừa hạng mục, khối lượng,..) theo yêu cầu nêu tại Chương IV HSYC thì giá dự thầu sẽ được cộng thêm giá trị phần chào thiếu, giá dự thầu sẽ được trừ đi giá trị phần chào thừa theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của Nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDX của Nhà thầu có sai lệch thiếu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các Nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một Nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của Nhà thầu này; trường hợp HSDX của Nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp Nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

b) Trường hợp Nhà thầu có HSDX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất nhưng trong HSDX không có đơn giá cho các sai lệch thì khi xác định giá đề nghị trúng thầu, đối với sai lệch thừa, phải lấy mức đơn giá chào cao nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật; đối với sai lệch thiếu phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật; đối với sai lệch thiếu, lấy theo thứ tự ưu tiên: mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật; đơn giá hình thành giá gói thầu.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định, Bên mời thầu thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của Nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà



thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp Nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của Nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSDX: Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập:

Gói thầu được chia thành **02 phần** độc lập:

1. Điều kiện chào thầu; biện pháp và giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần hoặc nhiều phần; tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần theo quy định tại HSYC này;

2. Việc đánh giá HSDX và xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 41 QCMS.

3. Trường hợp có một phần hoặc nhiều phần thuộc gói thầu không có Nhà thầu tham gia hoặc không có Nhà thầu đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC, Bên mời thầu báo cáo cấp thẩm quyền tách các phần đó thành gói thầu riêng, còn đối với các phần có Nhà thầu tham gia và được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì thực hiện đánh giá theo quy định tại khoản 2 Mục này;

4. Trường hợp một Nhà thầu trúng thầu tất cả các phần của gói thầu thì chỉ có một hợp đồng ký với Nhà thầu. Trường hợp có nhiều Nhà thầu trúng thầu ở các phần khác nhau thì có nhiều hợp đồng được ký kết.



Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký Đơn chào hàng].

Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo Hồ sơ yêu cầu].

Kính gửi: [Ghi tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên Nhà thầu độc lập/ tên của Nhà thầu liên danh theo Thỏa thuận liên danh] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với Biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện gói thầu là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Loại Hợp đồng: ____ [ghi theo yêu cầu của HSYC].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của QCMS.
4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày ⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu (Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo Thỏa thuận liên danh) ⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Đơn chào hàng phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).



(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể (**cho từng phần tham dự**), cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng (từng phần) ghi trong Biểu giá, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong Đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV. Yêu cầu về phạm vi cung cấp, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên ký biên bản nghiệm thu cuối cùng xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành các công việc trong hợp đồng, không bao gồm nghĩa vụ bảo hành (nếu có).

(4) Ghi số ngày có hiệu lực của HSĐX theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận để thành viên đứng đầu liên danh ký Đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Bên mời thầu bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà thầu bị coi là vi phạm và bị xử lý theo Mục 3 CDNT.

(7) Trường hợp Nhà thầu nộp HSĐX theo hình thức trực tiếp, Nhà thầu phải nộp bản gốc Đơn chào hàng kèm theo HSĐX. Đơn chào hàng phải được lập theo đúng Mẫu quy định trong HSĐX (**Mẫu số 01**), và phải được ký tên, đóng dấu (nếu có) bởi Người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số Căn cước/CCCD, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu/của Công ty nếu là thành viên liên danh], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu/ tên Công ty nếu là thành viên liên danh] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu/ của Công ty nếu là thành viên liên danh] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số Căn cước/CCCD, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;



- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Ký kết hợp đồng với Bên mời thầu nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu/ tên của Công ty nếu là thành viên liên danh]. ____ [Ghi tên nhà thầu/ tên của Công ty nếu là thành viên liên danh] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền
[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu/ của Công ty nếu là thành viên liên
danh, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi chính xác tên gói thầu]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký Thỏa thuận liên danh tham dự thầu, gồm:



Tên thành viên liên danh _____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [*Ghi chính xác tên gói thầu*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Ghi chính xác tên gói thầu*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[*- Ký đơn chào hàng;*

- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;*



- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu liên danh có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận(1)	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	_____	_____
2	Tên thành viên thứ 2	_____	_____
....		_____	_____
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	Giá chào/100%

(1) Chỉ được phân chia theo công việc chính của gói thầu quy định tại Chương IV.

Điều 3. Hiệu lực của Thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và hợp đồng được thanh lý;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] bị hủy theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ _____ bản.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:



1. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà Nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

2. Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

3. Phải ghi rõ nội dung công việc chính và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Đồng thời, các thành viên phải có trách nhiệm chung khi tham dự thầu và thực hiện Hợp đồng nếu được trúng thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong Bảng giá dự thầu chi tiết trong HSĐX của Nhà thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất/quá trình cung ứng sản phẩm cho các hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất/quá trình cung ứng sản phẩm các hạng mục này.

4. Trường hợp Nhà thầu nộp HSĐX theo hình thức trực tiếp cho Bên mời thầu, Nhà thầu phải nộp kèm bản gốc Thỏa thuận liên danh kèm theo HSĐX.

Thỏa thuận liên danh phải được ký tên đầy đủ bởi tất cả các thành viên trong liên danh và đóng dấu (nếu có) của từng thành viên.

Mẫu số 04a

BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ____ *[Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____ *[Ghi chính xác tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi chính xác tên gói thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này một khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng là nhà thầu vi phạm, trong đó nêu rõ:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian HSĐX còn hiệu lực, Nhà thầu rút HSĐX hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSĐX theo yêu cầu của HSYC.



2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 73 của QCMS hoặc vi phạm QCMS dẫn đến phải hủy thầu.

3. Nhà thầu trúng thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ yêu cầu.

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo Hợp đồng hoặc đã thương thảo Hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản đã thương thảo Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Hợp đồng trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp, Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu.

Trường hợp, Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

Mẫu số 04b

BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ____ [Ghi tên và địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]



Bên bảo lãnh:____[Ghi tên, địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____[Ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu ____[Ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng là nhà thầu vi phạm, trong đó nêu rõ:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian HSĐX còn hiệu lực, Nhà thầu rút HSĐX hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSĐX theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 73 của QCMS hoặc vi phạm QCMS dẫn đến phải hủy thầu.

3. Nhà thầu trúng thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ yêu cầu.

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo Hợp đồng hoặc đã thương thảo Hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản đã thương thảo Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết Hợp đồng trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [Ghi chính xác tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo QCMS của BSR thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu.

Trường hợp Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh, bảo lãnh này sẽ hết trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:



(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ Nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu, trường hợp trong Thỏa thuận liên danh phân công cho thành viên A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên Nhà thầu được ghi là ... *[ghi tên thành viên A]* (thay mặt cho Nhà thầu liên danh A + B).

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chỉ dẫn nhà thầu.

Mẫu số 05

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng (PHẦN 1 / PHẦN 2)	
	Thuế VAT tạm tính 10%	
Tổng cộng giá chào PHẦN 1 / PHẦN 2 (đã bao gồm thuế VAT) <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
*(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo
Thỏa thuận liên danh)*

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HOÁ

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
	Tổng (PHẦN 1 / PHẦN 2)					
	Thuế VAT tạm tính 10%					
	Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) - PHẦN 1 / PHẦN 2 (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)					M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo Thỏa thuận liên danh)

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (1), (2), (3), (4) nhà thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu. Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

- Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Tổng cộng giá chào (đã bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu), **nhà thầu ghi cụ thể giá trị cho từng phần tham gia dự thầu.**



BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo
Thỏa thuận liên danh)
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) nhà thầu ghi phù hợp với Bảng dịch vụ liên quan quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.
- Các cột (7), (8) do nhà thầu chào.

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT ⁽¹⁾

1.	Vị trí công việc: [ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
	Tên: [ghi tên nhân sự chủ chốt]
2.	Vị trí công việc: [ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
	Tên: [ghi tên nhân sự chủ chốt]
...	Vị trí công việc
	Tên



Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt do gói thầu phức tạp.

(2) Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

Mẫu số 07

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá chào.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có), nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

Mẫu số 08

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]



Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ/hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Nhà thầu độc lập/Đại diện của liên danh theo
Thỏa thuận liên danh)
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 09

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Tên Nhà thầu [độc lập hoặc liên danh]: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh [trường hợp là Nhà thầu liên danh]: _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			



Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm ⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất ⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau: 1. Phản ánh tình hình tài chính của Nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là Nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với Nhà thầu hoặc thành viên liên danh. 2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định. 3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và-kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây: - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế; - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai; - Tài liệu chứng minh việc Nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử; - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ thuế; - Báo cáo tài chính được kiểm toán; - Các tài liệu khác.			

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.



(3) Doanh thu bình quân hàng năm được xác định bằng cách lấy tổng doanh thu của các năm chia cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Mẫu số 10

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên Nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của Nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng và giá thanh toán theo Hợp đồng	<i>[ghi giá trị và đồng tiền]</i>		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà Nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên Chủ đầu tư, Bên mua	<i>[ghi tên của Chủ đầu tư, Bên mua trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư, Bên mua]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDT⁽²⁾.			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>		
3. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện (3)	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
4. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
5. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư, Bên mua về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng



trên, Biên bản nghiệm thu/thanh lý hợp đồng/hóa đơn theo quy định của pháp luật...).

Ghi chú:

(1) Hợp đồng tương tự đã thực hiện là Hợp đồng đã hoàn thành, được nghiệm thu.

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.



Chương IV. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

(Đính kèm HSYC gói thầu “Mua vật tư để bảo dưỡng các thiết bị điện và phục vụ công tác cấp nguồn điện tạm cho công việc BDSC theo Đơn hàng số 157/1100004331/ĐH-KHSX-TA6”)

TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Mô tả	ĐVT	Số lượng
I	Phần 1: Vật tư hệ thống bảo vệ chống ăn mòn điện hóa (CP) – 04 mục vật tư				
1	4396113263	INSULATOR, STD-ESP-I-100, KNM-PRO	PLANT EQUIPMENT PARTS ; PART NAME : INSULATOR ; MATERIAL : TEFLON + STAINLESS STEEL 316 ; REFERENCE PART NUMBER : STD-ESP-I-100 ; DRAWING NUMBER : 8474L-011-A4207-0814-001-003 ; REFERENCE MANUFACTURER : KNM PROCESS SYSTEMS ; EQUIPMENT : DESALTER PACKAGE ; AMEC-S PART NUMBER : 6258773.2 ; SUPPLIER : PROSER NAT	PC	4
2	6530650083	SACRIFICIAL ANODE, SACRIFICIAL, ALUMINIUM, 200(W)X40(H)X300(L), ANODE SIZE IN MM: 200(W) X40(H)X300 (L)MM	CATHODIC PROTECTION ACCESSORIES ; ITEM DESCRIPTION : SACRIFICIAL ANODE ; TYPE : SACRIFICIAL ; MATERIAL : ALUMINIUM ; CAPACITY : 200(W)X40(H)X300(L) ; SIZE : ANODE SIZE IN MM : 200(W)X40(H)X300(L) MILLIMETER ; CONSTRUCTION : COOLING SEA WATER EQUIPMENT ; ADDITIONAL INFORMATION : DRAWING OF ANODE ATTACHMENT ;	EA	32
3	6530650099	ALUMINUM ALLOY ANODES T570 EF-1000, 57, 9KG, L:1000MM ; H:140 MM; W1:130MM; W2: 160MM	CATHODIC PROTECTION ACCESSORIES ; ITEM DESCRIPTION : ALUMINUM ALLOY ANODES T570 EF-1000 ; TYPE : SACRIFICIAL ANODE ; MATERIAL : ALUMINUM ; CAPACITY : 57, 9 KILOGRAM ; SIZE : L : 1000MM ; H : 140 MM; W1 : 130MM; W2 : 160MM ; ADDITIONAL INFO : LENGTH : 1000MM ; HEIGHT : 140 MM; WIDTH 1 : 130MM; WIDTH 2 : 160MM; DETAIL ANODE AND SUPPORT AS DRAWING : 8474L-034-A4202-1790-001-014; PRODUCTION MUST BE APPLICATION TO FOLLOW ISO-15589-2; DNV RP B401 STANDARDS. ;	EA	26
4	5305990243	SPM ANODE FOR U/W BUOY OF HULL & PLEM, DW: DSM05024/ DSM06002	SPM PART & ACCESSORY ; PART/ACCESSORY NAME : SPM ANODE FOR U/W BUOY OF HULL & PLEM ; DRAWING NUMBER : DSM05024/DSM06002 ; ANODE FOR SPM BUOY SUBSEA PROTECTION, CONSISTS OF ITEMS 4, 5, 6 IN DRW NO. DSM05024, ITEM 1 IN DRW NO. DSM06002 ;	SET	1



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Mô tả	ĐVT	Số lượng
II	Phần 2: Vật tư và thiết bị hệ thống điện – 19 mục vật tư				
1	6813150139	CABLE, NON ARMD, 0.6-1KV, PVC, 04, 16MM2	NON ARMOURED ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 16 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; NUMBER, CORES : 04 ; CROSS SECTION, CORES : 16 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 16 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	M	300
2	6813150159	CABLE, NON ARMD, 0.6-1KV, PVC, 03, 2.5MM2	NON ARMOURED ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 3 X 2.5 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; COLOUR, OUTER SHEATH : BLACK ; NUMBER, CORES : 03 ; CROSS SECTION, CORES : 2.5 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 3 X 2.5 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	M	1.940



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Mô tả	ĐVT	Số lượng
3	6813150179	CABLE, NON ARMD, 0.6-1KV, PVC, 04, 6MM2	NON ARMOURED ELECTRICAL CABLE ; APPLICATION : LOW VOLTAGE CABLE: 4 X 6 MM2 ; VOLTAGE : 0.6-1 KV ; MAT, CONDUCTOR : COPPER CONDUCTOR ; MAT SPEC, INSULATION : PVC ; MAT SPEC, INNER SHEATH : FILLER ; MAT SPEC, OUTER SHEATH : PVC OVERSHEATH ; COLOUR, OUTER SHEATH : BLACK ; NUMBER, CORES : 04 ; CROSS SECTION, CORES : 6 SQUARE MILLIMETER ; ADDITIONAL INFO: LOW VOLTAGE CABLE: 4X 6 MM2, COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, PVC OVER SHEATH(CVV-0, 6-1KV); STRUCTOR:COPPER CONDUCTOR, PVC INSULATION, FILLER, PVC OVER SHEATH; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR NORMAL OPERATION:70 OC; MAXIMUM CONDUCTOR TEMPERATURE FOR SHORT CIRCUIT :160 O C WITH NOMINAL AREA UP TO 300 MM2, 140 O C WITH AREA LARGER THAN UP TO 300 MM2 ;	M	250
4	6878840529	CABLE GLAND, 20S, 20SE2FU1RA, CMPP	ELECTRICAL CABLE JOINTING / TERMINATION COMPONENTS ; PART NAME : CABLE GLAND ; DIMENSION : 20S ; REFERENCE PART NUMBER : 20SE2FU1RA ; REFERENCE MANUFACTURER : CMP PRODUCTS ; INCLUDES : EARTH TAG; LOCKNUT, SERRATED WASHER, ENTRY THREAD SEAL, SHROUD ; EXD IIC ;	SET	65
5	6779040039	PLG ELEC PWR IND, STAHL, 8570/12-306, 200TO250VOLT, 3P, 16AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION PLUGS ; REFERENCE MANUFACTURER : STAHL ; REFERENCE MODEL NUMBER : 8570/12-306 ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; VOLTAGE, RATED : 200 TO 250 VOLT ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; POSITION, EARTH CONTACT : - ; CABLE ENTRY : - ;	EA	10
6	6738070029	SCKT ELEC PWR DOM, R-STAHL, 8579/11-406, 380/415VOLT, 4P, 63AMP.	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION SOCKETS ; REFERENCE MANUFACTURER : R-STAHL ; TYPE : 8579/11-406 ; VOLTAGE, RATED : 380/415 VOLT ; POLES : 4P ; CURRENT, RATED : 63 AMP ; EXPLOSION PROTECTION : EEX DE IIC T6; TEST CERTIFICATE : PTB NR.EX-84/1004 ; ENCLOSURE MATERIAL : POLYESTER ; DEGREE OF PROTECTION : IP66 ;	PC	2
7	7087750029	PLUGS, POWER DIST, DOM, 8579 SERIES, 380/415VOLT, 4P, 63AMP.	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL PLUGS ; TYPE : 8579 SERIES ; VOLTAGE, RATED : 380/415 VOLT ; POLES : 4 ; CURRENT, RATED : 63 AMP ; REFERENCE MAKE : R-STAHL; REFERENCE MODEL : 8579/12-406 ;	PC	2



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Mô tả	ĐVT	Số lượng
8	6779040069	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, 230VAC, 3P, 16AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; VOLTAGE, RATED : 230 VAC ; POLES : 3 ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; 3 SOCKET OUTLET 16A: AVAILABLE FOR PLUG 8570/12-306 ; POLES :3 ; CURRENT, RATED :16 AMP ; ELCB: 16A -30MA ; REFERENCE MAKE : R-STAHLE; REFERENCE MODEL:8146/5S73 ; CLASS I, ZONES 1 & 2 EX DE IIC T4 ; CLASS I, DIVISION 2, GROUPS A, B, C, D ; IP:67 ; FLASH WINDOW TO RESET ELCB ; 2 HOLES FOR CABLE GLAND M20; 1 HOLE FOR CABLE GLAND M25 ;	PC	3
9	6779040219	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, 220VAC, 3P(2P+E)	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; DESIGN SPEC : IEC 60309 ; INGRESS PROTECTION : IP67 ; VOLTAGE, RATED : 220VAC-50HZ ; POLES : 3P (2P+E) ; MAT ENCLOSURE : PLASTIC INSULATION-COPPER ALLOY CONTACT ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; POSITION, KEY/KEYWAY : 6H (CLOCK POSITION) ; ADDITIONAL INFO: INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ADAPTER; 1 PLUG TO 3 SOCKET OUTLETS; 2P+E; 230VAC; 16A; 50HZ; BLUE CLOCK POSITION 6H; IP67; ACCORDING TO IEC60309 ;	PC	3
10	9384090209	FIXED LOOP LANYARD	WAREHOUSE CONSUMABLES ; TYPE : FIXED LOOP LANYARD ; MATERIAL : POLYESTER ; SAFETY POLYESTER TOOL LANYARD (MAXIMUM SUPPORTED WEIGHT 3KG) ;	PC	20
11	6925010019	LUMINAIRE, PORTABLE, BATTERY, 40W RECHARGEABLE LED LIGHT, LI-THIUM, LED INITIAL FLUX LED 2900LM, 5.0 HRS	BATTERY OPERATED PORTABLE LUMINAIRES ; TYPE : 40W RECHARGEABLE LED LIGHT ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : ZONE 1, IIC T4 ; INGRESS PROTECTION : IP65 ; TYPE, BATTERY : LI-THIUM ; NUMBER, BATTERY : 11000MAH/7.2+_0.8V ; LAMPS : LED INITIAL FLUX LED 2900LM ; DURATION, BATTERY OPERATION : 5.0 HRS ; MAT, BODY : ALUMINIUM ; DIMENSIONS, OVERALL : 291X247X150 MILLIMETER ; MASS : 7 KILOGRAM ; CHARGING UNIT : INPUT : 85-240VAC; OUTPUT : 8.4VDC, 1.5A ;	EA	5
12	1003292	Bóng đèn pha 50W Led IP65, REFERENCE Model: DCP 06L/50W		CÁI	10
13	6930030489	LAMP, LED, 100-150 W, 18-24VDC	LED LAMP ; TYPE : LED ; POWER : 100-150 W ; VOLTAGE, INPUT : 18-24 VDC ; COLOUR : 6000/6500K - COOL WHITE/DAYLIGHT ; ADDITIONAL INFO: BEAM ANGLE 120DEG ;	SET	10



TT	Mã HHDV	Tên HHDV	Mô tả	ĐVT	Số lượng
14	7087740019	PLUGS, POWER DIST, DOM, STAHL SOCKET PLUG 8575/12-110, 50VDC, 2POLES, 16A	DOMESTIC POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL PLUGS ; TYPE : STAHL SOCKET PLUG 8575/12-110 ; VOLTAGE, RATED : 50 VDC ; POLES : 2POLES ; DIMENSIONS : D : 42MM; H : 140MM ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; ADDITIONAL INFO : SOCKET PLUG 8575/12-110; 16A, 2P ; - P54 ACC. TO IEC/EN 60529 ; - CABLE ENTRIES : 8 ... 15 MM CABLE DIAMETER ; - EXPLOSION PROTECTION : PTB 01 ATEX 1044 ; II 2 G EX DE IIC T6 (TA = -30 ... +45°C) ;	UNIT	10
15	6779040013	PLG ELEC PWR IND, MENNEKES, P/N: 278, IP67, 230V, 3P, 16A, 6H	REFERENCE MANUFACTURER : MENNEKES ; REFERENCE MODEL NUMBER : P/N : 278 ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; INGRESS PROTECTION : IP67 ; VOLTAGE, RATED : 230V ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P ; CURRENT, RATED : 16A ; POSITION, EARTH CONTACT : 6H ; CABLE ENTRY : - ;	EA	25
16	6779010109	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, 100V TO 240V, 1P, 16AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; MOUNTING : PANEL MOUNTED STRAIGHT ; DESIGN SPEC : BASIC RACK POWER DISTRIBUTION UNIT ; VOLTAGE, RATED : 100V TO 240V ; POLES : 1 ; CURRENT, RATED : 16 AMP ; 10 C13 + 2C19 ;	EA	10
17	6779040059	PLG ELEC PWR IND, SEZ, IVN 3243, 400VOLT, 3P+E, 32AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION PLUGS ; REFERENCE MANUFACTURER : SEZ ; REFERENCE MODEL NUMBER : IVN 3243 ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : - ; INGRESS PROTECTION : IP 44 ; VOLTAGE, RATED : 400 VOLT ; CERTIF, EC TYPE EXAMINATION : - ; POLES : 3P + E ; CURRENT, RATED : 32 AMP ; POSITION, EARTH CONTACT : - ; CABLE ENTRY : - ; HOUR ANGLE OF SOCKET : 6 HOURS ; COLOR : RED	EA	4
18	6779040133	SOCKETS, ELEC, POWER DIST, IND, PANEL MOUNTED STRAIGHT, IP44, 380-415VAC, 3P+E= , 32AMP	INDUSTRIAL POWER DISTRIBUTION ELECTRICAL SOCKETS ; MOUNTING : PANEL MOUNTED STRAIGHT ; CLASSIFICATION, HAZARD AREAS : IP44 ; VOLTAGE, RATED : 380-415 VAC ; POLES : 3P+E ; CURRENT, RATED : 32 AMP ; 6 HOLES, CODE J324-6, COLOR : RED OF VANLOCK ELECTRICAL EQUIPMENT ;	SET	4
19	6794680363	CIRCUIT BREAKER, TMAX, T2H160, 3, 100AMP, 690VAC, 70KA, MA 80	CIRCUIT BREAKERS ; TYPE, CIRCUITBREAKER : TMAX, T2H160 ; REFERENCE MANUFACTURER : ABB ; REFERENCE MANUFACTURER PART NUMBER : 1SDA051227R1 ; POLE, QUANTITY : 3 ; CURRENT RATING : 100 AMP ; VOLTAGE RATING : 690 VAC ; STANDARD : IEC 60947-2 ; CAPACITY, INTERRUPT : 70 KA ; AMPERAGE, TRIP : MA 80 ;	EA	2



Chương V. MẪU HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG

Số-20..../HĐ/BSR- ngày ... /... /20...

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN – TỔNG CÔNG TY LỘC HOÁ DẦU VIỆT NAM

VÀ

CÔNG TY[tên nhà cung cấp]

Về việc

[ghi tên gói thầu]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&-----

HỢP ĐỒNG

Số:-20..../HĐ/BSR-.....

Về việc [tên gói thầu]

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 20..., tại Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam, 208 Hùng Vương, Tp. Quảng Ngãi, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN – TỔNG CÔNG TY LỌC HOÁ DẦU VIỆT NAM

Người đại diện: Ông

Chức vụ:

(Theo Quyết định ủy quyền số/QĐ-BSR ngày)

Địa chỉ: Số 208 đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam;

Điện thoại: (0255) 3825 825

Fax: (0255) 3825 826;

Tài khoản: 0271.00.777777.9 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi;

Mã số thuế: 4300378569

BÊN B: CÔNG TY

Người đại diện: Ông/Bà

Chức vụ:

(Được ủy quyền theo Thư ủy quyền số ngày.....)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax:

Tài khoản số

Mã số thuế

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng Hợp đồng

Đối tượng của Hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.

Điều 2: Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- 2.1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo các Phụ lục);
- 2.2. Biên bản thương thảo Hợp đồng (nếu có), Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;
- 2.3. Quyết định phê duyệt KQLCNT;
- 2.4. HSYC và các tài liệu sửa đổi các hồ sơ này, nếu có;
- 2.5. HSĐX và các văn bản làm rõ các hồ sơ này của Bên B (nếu có);
- 2.6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).



Điều 3: Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1 Giá Hợp đồng: ...VND (Bằng chữ: đồng).

Giá trên đã bao gồm các loại thuế và phí liên quan theo quy định, để nhà thầu giao hàng tại Kho vật tư NMLD Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2 Phương thức thanh toán: được quy định tại Điều 8 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng

Điều 4: Loại Hợp đồng

Loại Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, được quy định chi tiết tại Điều 4 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng;

Điều 5: Thời gian thực hiện Hợp đồng

Được quy định tại Điều 5 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của các bên

6.1 Bên A chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ qui định đối với Bên A theo qui định của Hợp đồng này. Các nội dung cụ thể được qui định tại các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

6.2 Bên B chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ qui định đối với Bên B theo qui định của Hợp đồng này. Các nội dung cụ thể được qui định tại các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

Điều 7: Điều khoản chung

7.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký nêu trên.

7.2 Hợp đồng có hiệu lực đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng.

7.3 Hợp đồng được thanh lý khi: (i) các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng; hoặc (ii) Hợp đồng bị chấm dứt/hủy bỏ theo quy định của pháp luật. Việc lập biên bản thanh lý chỉ thực hiện trong các trường hợp: việc thanh toán theo Hợp đồng được thực hiện từ 3 lần trở lên bao gồm các lần tạm ứng; Hợp đồng trọn gói thanh toán dưới 3 lần nhưng có phát sinh về phạt/bồi thường theo quy định Hợp đồng.

7.4 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Hợp đồng này, bất kỳ sự thay đổi hay bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này đều phải được chấp thuận trước bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của cả hai bên.

7.5 Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại.

7.6 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số-20..../HD/BSR-)

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả các phụ lục và tài liệu kèm theo.
- 1.2 “Giá Hợp đồng” là tổng số tiền mà Bên A đã thỏa thuận với Bên B theo Hợp đồng.
- 1.3 “Hàng hóa” là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng.
- 1.4 “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
- 1.5 “Ngày làm việc” là ngày từ thứ hai đến thứ sáu, không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định của luật Việt Nam.

Điều 2: Phạm vi cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa

- 2.1 Phạm vi cung cấp hàng hoá theo danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật như Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 3: Chất lượng hàng hóa và bảo hành

- 3.1 Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng là mới, có nguồn gốc rõ ràng, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo. Ngoài ra, Bên B cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.
- 3.2 Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.
- 3.3 Bên B có trách nhiệm bảo hành những sản phẩm hư hỏng do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất theo điều kiện của nhà sản xuất trong thời hạn bảo hành. Bên B sẽ chịu chi phí vận chuyển thiết bị bị lỗi đi bảo hành và bàn giao lại cho Bên A.
- 3.4 Trong thời hạn bảo hành, nếu phát hiện thấy bất kỳ một khuyết tật hoặc chất lượng không đảm bảo như qui định của Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B tham gia vào việc kiểm tra, giám định lại chất lượng hàng hóa. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A, Bên B phải gửi thông báo kế hoạch thực hiện nghĩa vụ bảo hành cho Bên A để xem xét và thống nhất, và cử đại diện có chức năng tham gia vào việc kiểm tra, xác định. Trong trường hợp hai bên không thống nhất ý kiến sẽ mời Tổ chức giám định độc lập tham gia. Biên bản giám định chất lượng hàng hóa do Tổ chức giám định độc lập cấp là cơ sở pháp lý để Bên A khiếu nại Bên B. Nếu trường hợp Tổ chức giám định độc lập phát hiện hàng có khuyết tật mà không do lỗi của Bên A thì Bên B sẽ phải trả toàn bộ chi phí giám định này và thay thế hàng hóa.
- 3.5 Nếu Bên B không khắc phục được các khiếm khuyết, hư hỏng hoặc không thay thế kịp thời hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) trong khoảng thời gian mười lăm (15) ngày làm việc, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua bên thứ ba. Trong trường hợp này, Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế này căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp.
- 3.6 Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành nếu hư hỏng là do lỗi của người sử dụng của Bên A gây ra.



Điều 4: Loại Hợp đồng, Đơn giá, Thuế

- 4.1 Loại Hợp đồng: Trọn gói, bao gồm tất cả các loại chi phí cần thiết, các loại thuế, phí/lệ phí để Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Hợp đồng.
- 4.2 Đơn giá chi tiết được quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng.
- 4.3 Trừ khi có thỏa thuận khác giữa Bên A và Bên B, giá trị Hợp đồng nêu trên sẽ cố định trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

Điều 5: Thời gian thực hiện Hợp đồng

5.1 Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện Hợp đồng:....kể từ ngày ký Hợp đồng [tính kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, bao gồm cả thời gian bảo hành], trong đó:

- Thời gian giao hàng: Trong vòng ngày/tuần/tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng
- Thời gian dự kiến nghiệm thu: ... tuần

Tuy nhiên để Bên A chủ động trong công tác bảo dưỡng sửa chữa, Bên B cam kết đẩy nhanh tiến độ giao hàng sớm nhất có thể.

Điều 6: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- 6.1 Trước khi Hợp đồng có hiệu lực [hoặc sau khi Hợp đồng có hiệu lực/ký kết Hợp đồng (đối với trường hợp cần rút ngắn tiến độ mua sắm)], Bên B phải nộp cho Bên A một bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng hình thức đặt cọc hoặc bảo lãnh của ngân hàng có giá trị bằng% giá trị Hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến: i) ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc ngày chuyển sang nghĩa vụ bảo hành (đối với trường hợp có quy định về bảo hành); hoặc ii) sau 30 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng đã ký (ngày ký Biên bản nghiệm thu tạm tính là 30 ngày kể từ ngày giao hàng). Trường hợp áp dụng bảo lãnh của ngân hàng, mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng được quy định tại Phụ lục 02 – Các biểu mẫu Hợp đồng.
- 6.2 Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.
- 6.3 Bên A phải hoàn trả Bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên B ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời Bên B đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
- 6.4 Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ gia hạn tương ứng nếu thời gian thực hiện Hợp đồng kéo dài so với thời gian ghi trong Hợp đồng.

Điều 7: Địa điểm giao hàng và chứng từ hàng hóa

- 7.1 Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư của Nhà máy lọc dầu Dung Quất – Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.
- 7.2 Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất 02 (hai) ngày trước ngày chính thức giao hàng. Văn bản thông báo giao hàng phải được gửi cho Bên A và đơn vị được ủy quyền nhận hàng của Bên A (nếu có).

Văn bản thông báo giao hàng phải nêu rõ:

- Số Hợp đồng dẫn chiếu.
- Loại hàng hóa giao, bao gồm số lượng và giá trị.



- Những hướng dẫn đặc biệt cần lưu ý Bên A khi bốc dỡ hàng hóa (nếu có).
 - Số xe, tên tài xế cùng các thông tin cá nhân để tiến hành giao hàng.
- 7.3 Khi tiến hành giao hàng, Bên B liên lạc với bộ phận kho Vật tư để được hướng dẫn thủ tục và bảo lãnh đưa hàng vào kho, như sau:
- Họ và tên: Nguyễn Phi Ngọc
 - Điện thoại: 0913.445800 Fax: 0255 3616 555
 - E-mail: ngocnp@bsr.com.vn
- 7.4 Hồ sơ kèm theo khi giao hàng gồm: Tài liệu khi giao hàng theo quy định của gói thầu.
- 7.5 Khi giao nhận hàng, hai bên sẽ tiến hành lập Biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa trong đó ghi rõ số lượng, chất lượng quy cách hàng phù hợp với quy định của Hợp đồng và được đại diện của hai bên ký xác nhận.
- 7.6 Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng được giao không đảm bảo chất lượng, số lượng và yêu cầu kỹ thuật đã được qui định trong Hợp đồng này.
- 7.7 Hàng hóa giao theo Hợp đồng này sẽ được đóng trong bao bì phù hợp với điều kiện và phương thức vận tải, bảo đảm cho hàng hóa không bị hư hại, ăn mòn trong quá trình vận chuyển và thuận tiện cho bốc xếp, bốc dỡ.
- 7.8 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hóa bị mất mát, hư hỏng do thiếu sót trong việc đóng gói và vận chuyển hàng hóa.

Điều 8: Thanh toán

- 8.1 Hình thức thanh toán: 100% bằng chuyển khoản vào số tài khoản do Bên B chỉ định.
- 8.2 Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B thành 2 đợt như sau:
- Đợt 1: Tạm ứng 30% giá trị của Hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ. Hồ sơ thanh toán gồm:
 - + Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B (bản gốc);
 - + Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng phát hành bởi ngân hàng có giá trị bằng giá trị tạm ứng, có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho đến : i) ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc ngày chuyển sang nghĩa vụ bảo hành (đối với trường hợp có quy định về bảo hành); hoặc ii) sau 30 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng đã ký (ngày ký Biên bản nghiệm thu tạm tính là 30 ngày kể từ ngày giao hàng) (bản gốc);
 - + Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như quy định tại Điều 6 – Điều khoản và Điều kiện Hợp đồng (bản gốc).
 - Đợt 2: Thanh toán 70% giá trị của Hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ. Hồ sơ thanh toán gồm:
 - + Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc);
 - + Hóa đơn tài chính của Bên B theo quy định của Bộ tài chính (bản gốc);
 - + Các tài liệu khi giao hàng theo quy định của gói thầu;
 - + Biên bản nghiệm thu hàng hóa (bản in hệ thống).

Điều 9: Phạt vi phạm Hợp đồng



- 9.1 Nhân sự Bên B khi thực hiện công việc (cung cấp vật tư, thực hiện dịch vụ) bên trong phạm vi Nhà máy lọc dầu (của Bên A) mà vi phạm các quy định của Bên A về an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường và phòng cháy chữa cháy (ATSKMT) hiện hành của Bên A, Bên B sẽ phải chịu các mức phạt tương ứng như được quy định chi tiết tại Quy trình này.
- 9.2 Bên B giao hàng chậm, không đúng thời hạn quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này thì Bên B phải nộp phạt với tỷ lệ (giá trị phạt không bao gồm thuế VAT của hàng hóa). Mức phạt cụ thể như sau:
- Mức phạt chậm: 1% giá trị hàng hóa giao chậm/tuần. Mức phạt tối đa: 8% giá trị hàng hóa cung cấp chậm.
- 9.3 Trong trường hợp việc giao hàng bị muộn hơn 02 tháng so với thời gian quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, ngoài việc phạt vi phạm Hợp đồng, Bên A có quyền hủy Hợp đồng này vào bất cứ lúc nào mà không cần phải đưa vụ việc ra tòa án có thẩm quyền.
- 9.4 Bên B không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này (trừ trường hợp phạt chậm quy định tại Điều 9.2) hoặc đơn phương hủy Hợp đồng sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực sẽ bị phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bị thu bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có), ngoại trừ trường hợp bất khả kháng.
- 9.5 Bên A đơn phương hủy Hợp đồng sau khi Hợp đồng đã có hiệu lực thì sẽ bị phạt 8% tổng giá trị hợp đồng bị vi phạm, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng.
- 9.6 Trong trường hợp một bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì bên đó có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10: Chấm dứt Hợp đồng

- 10.1 Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng (một phần hoặc toàn bộ) ngay lập tức bằng văn bản thông báo cho Bên B nếu Bên B có vi phạm cơ bản về Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:
- 10.1.1 Bên B giao hàng chậm quá 02 tháng so với thời gian quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng hoặc các trường hợp khác được Bên A chấp thuận trước bằng văn bản;
- 10.1.2 Bên B bị phá sản, giải thể theo quy định pháp luật;
- 10.1.3 Các hành vi khác như Bên B không cung cấp Hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng của Hợp đồng và không khắc phục trong thời hạn hợp lý sau khi nhận được thông báo của Bên A.
- 10.2 Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm 1 khoản 10.1 của Điều này, Bên A có thể ký Hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt.
- 10.3 Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm 1 khoản 10.1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và Pháp luật.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của các bên

- 11.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Bên A được quyền:



- Tiếp nhận, kiểm tra hàng hóa so với quy định trong Hợp đồng ngay sau khi nhận hàng, trường hợp phát hiện hàng không đúng chủng loại, quy cách và chất lượng thì lập biên bản yêu cầu Bên B đổi hàng phù hợp hoặc từ chối nhận hàng.
- Chuẩn bị phương tiện, thiết bị nâng hạ để bốc dỡ hàng hóa trong quá trình Bên B bàn giao hàng hóa tại Kho Bên A và có trách nhiệm tự bảo quản hàng hóa kể từ thời điểm Bên B chuyển giao hàng hóa.
- Phạt Bên B trong trường hợp Bên B vi phạm theo các nội dung quy định trong Hợp đồng đã ký.

Bên A có nghĩa vụ:

- Bảo quản hàng hóa kể từ thời điểm Bên B chuyển giao hàng hóa đảm bảo các điều kiện đúng theo quy định của Hợp đồng. Bên B không chịu trách nhiệm đối với các hư hỏng, suy giảm chất lượng phát sinh do lỗi bảo quản, sử dụng hoặc lưu trữ không đúng quy định của Bên A sau thời điểm bàn giao/nghiệm thu, trừ các lỗi chất lượng, lỗi kỹ thuật hoặc khiếm khuyết của hàng hóa, thiết bị xuất phát từ lỗi của Bên B hoặc đã tồn tại trước thời điểm bàn giao/nghiệm thu.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo quy định của Hợp đồng đã ký.
- Ngoài ra, Bên A có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

11.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Bên B được quyền:

- Nhận các khoản thanh toán từ Bên A theo đúng các nội dung mà hai bên đã thỏa thuận theo qui định của Hợp đồng đã ký.

Bên B có nghĩa vụ:

- Cung cấp hàng hóa phải đảm bảo: Đủ số lượng yêu cầu; Đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng; Cung cấp hàng hóa đúng thời hạn và địa điểm.
- Sẵn sàng hỗ trợ kỹ thuật cho Bên A trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được văn bản, thông báo yêu cầu hỗ trợ của Bên A;
- Đảm bảo về tính hợp pháp của quyền sở hữu và việc chuyển giao quyền sở hữu đối với hàng hóa giao cho Bên A; và phải đảm bảo quyền sở hữu của Bên A đối với hàng hóa đã bán không bị tranh chấp bởi các bên thứ ba.
- Nộp đầy đủ các khoản thuế, phí theo quy định hiện hành đối với Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- Đảm bảo nhân sự của Bên B tuân thủ các nguyên tắc, quy định, nội quy về an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an ninh, vệ sinh môi trường theo quy định tại Quy trình BSR-HSE-PRO-002 hiện hành – Các quy định chung về an toàn, sức khỏe, môi trường khi thực hiện việc bàn giao hàng hóa tại địa điểm của Bên A.
- Lập hồ sơ thanh toán đầy đủ theo quy định của Hợp đồng.
- Ngoài ra, Bên B có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

Điều 12: Bảo mật

- 12.1 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng cũng như các thông tin do Bên A hoặc đại diện của Bên A cung cấp liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác không phải là người có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.



Việc Bên B cung cấp các thông tin cho các cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng.

- 12.2 Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại khoản 12.1 Điều này cho mục đích khác ngoài mục đích thực hiện Hợp đồng.

Các tài liệu nêu tại khoản 12.1 Điều này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Khi Bên A có yêu cầu, Bên B phải trả lại cho Bên A các tài liệu này (bao gồm cả bản gốc, bản sao và bản chụp).

Điều 13: Bất khả kháng:

- 13.1. Khi một Bên không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ của Hợp Đồng theo các điều khoản đã thỏa thuận do hậu quả trực tiếp của một sự kiện xảy ra một cách khách quan, không lường trước được, không thể ngăn chặn hoặc không thể tránh được việc xảy ra hậu quả của sự kiện đó, như thiên tai (bão, lụt, hỏa hoạn,...), chiến tranh, bạo loạn, đình công, dịch bệnh, hành vi, quyết định của cơ quan nhà nước, thay đổi luật pháp (“Sự Kiện Bất Khả Kháng”), thì Bên chịu ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng đó (“Bên Bị Trở Ngại”) sẽ không bị xem là vi phạm Hợp Đồng này nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Sự Kiện Bất Khả Kháng là nguyên nhân trực tiếp gây ra việc ngừng trệ, trở ngại hoặc chậm trễ mà Bên Bị Trở Ngại gặp phải trong quá trình thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này;

- Bên Bị Trở Ngại đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và thiện chí để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và hạn chế các tổn thất do Sự Kiện Bất Khả Kháng gây ra cho Bên kia; và

- 13.2 Vào thời điểm xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên Bị Trở Ngại lập tức thông báo cho Bên kia bằng cách gửi các thông tin bằng văn bản về sự kiện đó trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi xảy ra sự kiện, bao gồm cả văn bản tường trình các lý do, mức độ ảnh hưởng khiến phải chậm trễ thực hiện hoặc thực hiện một phần Hợp Đồng này và các biện pháp khắc phục đang được áp dụng. Bên Bị Trở Ngại có trách nhiệm cung cấp các tài liệu, chứng cứ hợp lý chứng minh Sự Kiện Bất Khả Kháng (nếu có).

- 13.3 Khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, Các Bên sẽ hợp tác trao đổi và thống nhất các biện pháp cần thiết nhằm hạn chế ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đối với việc thực hiện Hợp Đồng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét đề bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Điều 14: Giải quyết tranh chấp

- 14.1 Bất kỳ sự tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên trên tinh thần hợp tác, hiểu biết lẫn nhau.

- 14.2 Các tranh chấp hai bên không tự giải quyết được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

- 14.3 Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và buộc hai bên phải thi hành.



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HOÁ, ĐƠN GIÁ VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số -20..../HĐ/BSR-....., ngày / /20...)

TT	Mã vật tư	Mô tả hàng hóa		Nhà Sản xuất/ Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Tên hàng	Model, P/N				(VND /ĐVT)	VND
		Tổng cộng trước thuế VAT						
		Thuế VAT (10%)						
		Tổng cộng sau thuế VAT						
		Bằng chữ: đồng.						
	Tài liệu yêu cầu cung cấp theo hàng hóa			Ghi chú:				
X	Các tài liệu theo quy định của Hợp đồng			- Giá trên đã bao gồm tất cả các loại thuế và các chi phí khác để Nhà thầu giao hàng hóa tại kho của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.				
X	Giấy bảo hành hàng hóa (Certificate of Warranty) (ít nhất 12 tháng)							
X	Tài liệu kỹ thuật khác: ghi rõ tài liệu gì (nếu có)							

Ghi chú: Thuế VAT sẽ được xác định tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước.



Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi các thông tin được ghi đầy đủ sẽ trở thành một phần của Hợp đồng, gồm:

Mẫu số 11. Thông báo trúng thầu.

Mẫu số 12. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 13. Bảo lãnh tiền tạm ứng



THÔNG BÁO TRÚNG THẦU

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu]* xin thông báo Nhà thầu ____ *[ghi tên Nhà thầu]* đã trúng thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn] với giá trúng thầu là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là: ____ *[ghi thời gian thực theo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*; (1)

- Thời gian dự kiến ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo Hồ sơ hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu đính kèm và nộp bản gốc cho Bên mời thầu trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát hành bảo đảm thực hiện hợp đồng. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ____ với thời gian có hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại HSYC]* kể từ ngày phát hành. (2)

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, đồng thời Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn không thay đổi. Bên mời thầu sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không còn đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ (3) mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc *[không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng]* (4) theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Mọi ý kiến về các vấn đề liên quan xin liên lạc theo địa chỉ dưới đây:

Ông/Bà..... – Ban [ĐVMH], Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam

Địa chỉ email:

Điện thoại:; hoặc số: 0255-3616666, máy nhánh

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Tài liệu đính kèm: Dự thảo Hồ sơ hợp đồng gồm Văn bản hợp đồng kèm Phụ lục hợp đồng.

Ghi chú:

(1): Nếu mở bảo lãnh sau khi ký Hợp đồng hoặc không mở bảo lãnh thì có thể không cần quy định thời gian hoàn thiện Hợp đồng.

(2): Nếu không mở bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thì bỏ mục này.

Lưu ý: Trường hợp cần rút ngắn thời gian mua sắm để đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh, Hợp đồng có thể được ký kết ngay sau khi phê duyệt kết quả LCNT, Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng sau khi ký Hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Thư bảo lãnh dự thầu của Nhà thầu.

(4): Nếu Bảo lãnh thực hiện sau khi ký Hợp đồng thì cụm này thay bằng “Trong vòng 07 ngày sau khi ký Hợp đồng, Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mẫu số 12

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[ghi tên Bên mời thầu]

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____[ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____[ghi tên của ngân hàng] ở _____[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____[ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời thầu thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:



(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Nhà thầu báo cáo Bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại dự thảo hợp đồng.



BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi là *Bên mời thầu*)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện Hợp đồng, ____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho *Bên mời thầu* một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở ____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của *Bên mời thầu*, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho *Bên mời thầu* khi *Bên mời thầu* có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Hợp đồng]*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và *Bên mời thầu* sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà *Bên mời thầu* thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của *Bên mời thầu* về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi *Bên mời thầu* thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Đến ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo quy định tại Điều 8 - Điều khoản và điều kiện Hợp đồng.

Trong trường hợp Nhà thầu không dùng theo mẫu Bảo lãnh tạm ứng của *Bên mời thầu* thì Nhà thầu có thể dùng theo mẫu của Ngân hàng mà Nhà thầu chỉ định nhận tiền thanh toán/tạm ứng trong hợp đồng, tuy nhiên nội dung Bảo lãnh vẫn phải đáp ứng các yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục 03 của Hợp đồng.

Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, nếu cần thiết, *Bên mời thầu* yêu cầu Nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.



CHƯƠNG VII – TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ HSĐX ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NỘP QUA HỆ THỐNG

TT	Nội dung theo HSYC theo phương thức nộp trực tiếp	Nội dung theo HSYC theo phương thức nộp qua hệ thống
1	Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp	Không áp dụng đối với hồ sơ nộp qua hệ thống.
2	Có bản gốc HSĐX	Có bản gốc HSĐX hoặc bản scan HSĐX nộp thành công vào Hệ thống nộp/nhận hồ sơ thầu qua hệ thống của BSR trước thời điểm đóng thầu. Hướng dẫn chi tiết như tại Chương VIII của Hồ sơ yêu cầu.
3	Có bản gốc đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh	Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh. Đối với HSĐX nộp qua hệ thống, đơn dự thầu là bản scan màu, có ký tên (có thể ký điện tử nếu nhà thầu có sử dụng chữ ký điện tử), đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC, nhà thầu cung cấp địa chỉ email, số điện thoại của người đại diện theo pháp luật để Tổ chuyên gia liên lạc xác nhận.
4	Có bảo đảm dự thầu hợp lệ: Có bản gốc bảo đảm dự thầu	Có bản gốc bảo lãnh dự thầu, chuyển khoản vào tài khoản BSR hoặc bảo lãnh bằng điện đến ngân hàng thông báo do bên mời thầu lựa chọn. Trong cả ba trường hợp, nhà thầu phải đảm bảo BSR nhận được bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu.
5	Có bản gốc Thỏa thuận liên danh hợp lệ. Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong Bảng giá dự thầu	Đối với hình thức nộp qua hệ thống phải có bản scan màu thỏa thuận liên danh nộp thành công qua hệ thống.

Các nội dung về kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSĐX còn lại được giữ nguyên như hình thức nộp trực tiếp.



CHƯƠNG VIII: HƯỚNG DẪN NỘP HỒ SƠ THẦU QUA HỆ THỐNG

I. HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ QUA HỆ THỐNG BSR

Thông tin mời thầu của BSR được đăng tải trên trang Web của Công ty theo đường dẫn: <https://bsr.com.vn/vi/moi-thau>;

Nhà thầu hoàn thiện thủ tục mua Hồ sơ yêu cầu (HSYC) và liên hệ nhân sự phụ trách bán HSYC của BSR để nhận HSYC thông qua email;

Đến hạn nộp Hồ sơ đề xuất (HSDX) mà Nhà thầu không thể nộp HSDX trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thì Nhà thầu có thể thực hiện nộp thầu qua hệ thống của BSR theo đường dẫn: <https://dauthau.bsr.com.vn>;

Các yêu cầu chuẩn bị HSDX và các bước thực hiện việc nộp thầu điện tử được quy định như sau:

a. Các bước chuẩn bị hồ sơ sẵn sàng nộp thầu qua hệ thống.

Nhà thầu chuẩn bị HSDX để nộp qua hệ thống tuân thủ các quy định, điều chỉnh tại CHƯƠNG VII: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDX ĐỐI VỚI HÌNH THỨC NỘP QUA HỆ THỐNG;

Chuyển hết nội dung HSDX qua định dạng *pdf và đặt chế độ bảo mật không thể chỉnh sửa, chỉ có quyền đọc (read only) hoặc thực hiện ký điện tử trên HSDX;

Để thuận tiện trong việc chấm thầu, đối với các hồ sơ đề xuất, nhà thầu tách thành các file .pdf riêng biệt, đánh số thứ tự và tên file như sau:

- ✓ Đơn dự thầu, Biểu giá chào (*);
- ✓ Thư giảm giá (nếu có) (**);
- ✓ Bảo đảm dự thầu;
- ✓ Hồ sơ chứng minh tính hợp lệ;
- ✓ Hồ sơ năng lực kinh nghiệm;
- ✓ Đề xuất kỹ thuật;
- ✓ Tài liệu khác liên quan.

Ghi chú: Đối với phương thức một giai đoạn, hai túi hồ sơ, thì các mục (*) và (**) ghi là Hồ sơ đề xuất tài chính, nén thành 1 file riêng và đặt mật khẩu riêng, chỉ cung cấp mật khẩu này cho TCG trong giai đoạn mở Hồ sơ đề xuất tài chính.

Dùng ứng dụng nén dữ liệu để chuyển HSDX về dạng file nén *rar hoặc *zip. File nén này Nhà thầu cần đặt Mật khẩu (Password) để bảo vệ. Nhà thầu chỉ cung cấp Mật khẩu để mở file/giải nén cho Tổ chuyên gia BSR tại thời điểm mở thầu trực tiếp hoặc trực tuyến. Khuyến nghị Nhà thầu đặt mật khẩu mạnh để đảm bảo tính bảo mật (Mật khẩu dài ít nhất 8 ký tự, bao gồm chữ hoa, chữ thường, số, ký tự đặc biệt...).

Lưu ý:

- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về bảo quản Mật khẩu đã đặt và chỉ cung cấp cho BSR tại thời điểm mở thầu. Tại thời điểm mở thầu Nhà thầu không cung cấp mật khẩu hoặc không thể cung cấp mật khẩu để giải nén file HSDX thì Nhà thầu sẽ được đánh giá là đã nộp HSDX trễ hạn;
- Tên file nén *rar hoặc *zip cần đặt theo cấu trúc: **Tên Nhà thầu-HSDX-Số đơn hàng của BSR- tên viết tắt ban phụ trách mua sắm**. Ví dụ 'Công ty ABC-HSDX-ĐH270-21-1980-TMDV'

b. Các bước thực hiện nộp HSDX qua hệ thống.



Thông báo cho nhân sự phụ trách bán HSYC của BSR biết Nhà thầu sẽ thực hiện hình thức nộp hồ sơ thầu qua hệ thống trước thời điểm đóng thầu ít nhất 48 giờ (tính theo lịch ngày làm việc);

Nhân sự phụ trách bán HSYC của BSR sẽ tạo thông tin Nhà thầu cần nộp thầu qua hệ thống theo quy định của BSR để hệ thống tự động cung cấp tài khoản (tên đăng nhập, mật khẩu) để Nhà thầu thực hiện nộp thầu theo đường dẫn <https://dauthau.bsr.com.vn>;

Khi nhà thầu truy cập trang web <https://dauthau.bsr.com.vn> theo đường link được gửi đến email và hoàn thành việc nộp thầu. Sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ thì hệ thống sẽ tự động thông báo về email nhà thầu xác nhận đã nộp thầu thành công.

Lưu ý:

- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo mật Tài khoản đã được cung cấp để thực hiện nộp thầu (nhà thầu có thể đổi mật khẩu để có mật khẩu bảo mật theo chủ đích mong muốn).
- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm bảo mật Mật khẩu của file nén *rar hoặc *zip của HSDX và chỉ cung cấp cho BSR tại thời điểm mở thầu. Tại thời điểm mở thầu Nhà thầu không cung cấp mật khẩu hoặc không thể cung cấp mật khẩu để giải nén file HSDX thì Nhà thầu sẽ được đánh giá là đã nộp HSDX trễ hạn.

II. HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM DỰ THẦU

- Khi nộp hồ sơ qua hệ thống, nhà thầu có thể chọn 1 trong 3 hình thức Bảo đảm dự thầu như sau:
 1. Điện bảo lãnh của ngân hàng;
 2. Chuyển khoản vào tài khoản BSR;
 3. Bảo lãnh dự thầu do ngân hàng phát hành;
- Nội dung, giá trị, thời hạn hiệu lực của Bảo đảm dự thầu như quy định tại HSYC này.
- Đối với hình thức Bảo đảm dự thầu bằng điện bảo lãnh của Ngân hàng, trước khi phát hành điện bảo lãnh chính thức, đề nghị nhà thầu yêu cầu ngân hàng phát hành gửi trước bản thảo để BSR kiểm tra nội dung về quy định đòi tiền của ngân hàng phát hành, đảm bảo việc thu tiền bảo lãnh của BSR khi xảy ra tình huống phải thu bảo lãnh dự thầu được thuận lợi.
- Bảo lãnh dự thầu bằng điện được gửi đến một trong các ngân hàng thông báo do BSR lựa chọn sử dụng. Danh sách ngân hàng thông báo bảo lãnh cho BSR như liệt kê bên dưới:

STT	Ngân hàng	SWIFT CODE
1	Vietcombank – Chi nhánh Quảng Ngãi	BFTVVNVX027
2	Vietinbank – Chi nhánh Quảng Ngãi	ICBVVNVX520
3	BIDV – Chi nhánh Quảng Ngãi	BIDVVNVX
4	PVcomBank – Chi nhánh Quảng Ngãi	WBVVNVX
5	Techcombank - Chi nhánh Quảng Ngãi	VTCTB VNVX
6	Ngân hàng Liên Việt - Chi nhánh Quảng Ngãi	LVBKVNVX

- **Tên người thụ hưởng:** Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam;
- **Địa chỉ:** 208 Đại lộ Hùng Vương, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhà thầu yêu cầu ngân hàng phát hành ghi nội dung cụ thể như sau để tiện tra cứu:
- **Nội dung:** [Tên nhà thầu] + [Mã số thuế] + bảo lãnh dự thầu gói thầu + [số đơn hàng] + BSR + tên viết tắt ban mua sắm của BSR



- Ví dụ: Công ty ABC Mã số thuế - bảo lãnh dự thầu gói thầu - ĐH270-21-1980-BSR-TMDV’

Lưu ý: Nhằm tránh tình trạng ngân hàng thông báo chậm trễ trong việc thông báo bảo lãnh dự thầu cho BSR, nhà thầu nên chủ động in điện thông báo bảo lãnh của ngân hàng đính kèm vào Hồ sơ đề xuất (nếu có thể).

- Đối với hình thức Bảo đảm dự thầu bằng chuyển khoản vào tài khoản BSR: nhà thầu đính kèm vào HSDX biên lai chuyển tiền/ủy nhiệm chi xác nhận việc đã chuyển tiền bảo đảm dự thầu vào các tài khoản BSR như dưới đây.

Tên tài khoản: Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam

- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Pvcombank) – CN Quảng Ngãi
- Số tài khoản: 1040 79 777779

Nhà thầu phải đảm bảo số tiền bảo đảm dự thầu được ghi có vào tài khoản BSR trước thời điểm đóng thầu. **Khi chuyển tiền, nhà thầu ghi nội dung theo cấu trúc giống như hình thức sử dụng bảo lãnh bằng điện thông báo nêu trên.**

- Đối với hình thức Bảo đảm dự thầu bằng Bảo lãnh ngân hàng: nhà thầu đính kèm vào HSDX nhưng phải đảm bảo BSR nhận được bản gốc trước thời điểm đóng thầu.

Nếu nhà thầu nộp HSDX qua hệ thống BSR, nhà thầu phải nộp Bảo đảm dự thầu trong phong bì kín tới Tổ Văn thư, ngoài ghi rõ:

Bảo đảm dự thầu gói thầu: **“Mua vật tư để bảo dưỡng các thiết bị điện và phục vụ công tác cấp nguồn điện tạm cho công việc BDSC theo Đơn hàng số 157/1100004331/ĐH-KHSX-TA6”;**

Nơi gửi: [Ghi tên, địa chỉ NHÀ THẦU]

Nơi nhận: Tổ Văn thư - Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam.

Địa chỉ: Số 208 Đại lộ Hùng Vương, P. Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0255 – 3825825 Fax: 0255 - 3825826

KHÔNG ĐƯỢC MỞ TRƯỚC: giờ 00 phút, ngày năm 2026

